

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẶNG KINH  
TẬP 166

LUẬT TƯỚNG  
CẢM THÔNG TRUYỆN

SỐ 1898

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC  
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN



SỐ 1898

## LỜI TỰA KHẮC LẠI LUẬT TƯỚNG CẢM THÔNG TRUYỆN

*Sa-môn Tuệ Thục ở núi Long Sơn tỉnh Hà Nam soạn.*

Đại sư Trừ chiếu ở núi Chung Nam Đời Đường thông suốt ba tạng, rất tinh chuyên về Tỳ-ni, nổi nghiệp ngài Đàm-vô-đức hoàng hóa dọc ngang, là đệ tử Phật trong thiên hạ khiến chẳng mất Tăng-già. Giống như mùa xuân khắp đất trời khiến muôn vật đều thấm nhuần. Mà việc hoàng dương. Y theo ý khai triển phù luật đàm thường khiến người học tâm đều ở thừa viên cực. Thánh tăng Tân-đầu-lô có lần hiện thân. Vì Phật diệt độ đến nay hoàng luật bậc nhất há chẳng phải ư? Vì ánh sáng trì giới thù thắng chiếu thẳng đến cung trời, cảm được các trời thần luôn che chở cúng dường tiệp chay. Hễ việc có chất thì mỗi việc đều nêu, hễ thiên thần hỏi liền đáp. Đại sư ghi chép các tướng có bàn về giới luật thành một quyển, tức là Luật Tướng Cảm Thông Truyện. Truyện này truyền ở bang này rất được ưa chuộng, tiếc là bản in chưa khỏi sai lầm. Gần đây, có vị tăng Cao Thuần Nguyên, có nhiều bản mà chọn xét lại và in mới ra nhờ tôi để lời tựa. Xưa, thiền sư Đại tuệ có đọc truyện này, thường lấy việc trong truyện mà chỉ dạy người. Bởi kính ngưỡng Đại sư. Nay có người chẳng tin truyện ấy vội chê bai, đó gọi là muốn vượt ngày tháng thường thấy mà chẳng biết lượng. Hạnh của truyện ấy chẳng đợi tôi nói, chỉ có Thuần Nguyên hiểu học quyết chí phò tông mà nói. Người đọc truyện ấy mấy tăng thêm lòng kính tin.

Ngày rằm tháng 3, năm Mậu Tuất niên hiệu Hưởng Bảo.

-----

## LUẬT TƯỚNG CẢM THÔNG TRUYỆN

*Đời Đường, giữa mùa Xuân, niên hiệu Càn Phong năm thứ hai  
Sa-môn Thích Đạo Tuyên ở núi Chung Nam soạn.*

Tôi có thấy Tấn Thái Thường trong Bảo Soạn Sư Thần Lục nói rằng:

Tấn Cố Trung mệnh lệnh Tô Thiệu có tài đức, qua đời vào niên hiệu Hàm Ninh, ban ngày hiện hình ở trong nhà. Các bạn thân cũ nghe tin thì cùng đến, thấy ăn uống nói năng chẳng khác người thường. Nếu có người hỏi thì Trung mệnh khi còn sống có nhiều bài phú thuật lời lẽ khó tìm, xin kể việc tử sinh có được nghe chăng?

Thiệu đáp: “Đâu được giấu diếm”. Bèn đòi giấy bút viết bài sinh tử, có lời rằng: Vận tinh khí lia thân cũ.

*Thần diệu diệu rõ huyền minh.*

*Qui bắc đế tạo phong kinh.*

*Sùng dùng uất khuếch tranh vanh.*

*Thăng phụng khuyết yết Đế đình.*

Nhĩ bốc thương mất nhan sinh thân đại Thánh hạng lương thành.

*Hy ngô quý mển anh minh.*

*Kháng thanh luận phong tài giỏi.*

*Phu hoa thao văn sáng tỏ.*

*Thứ diệu thân dăng côn doanh.*

Thọ tộ phước hưởng thiên linh, và các thứ khác bất tận. Mới thấy lời như hoặc nhớ hoặc quên.

Tôi thấy con gái của Lương Sơ Giang bí tụng ra Tịnh độ đại trang nghiêm v.v... hơn ba mươi kinh kịp để mắt cũng có việc này. Duyên xưa có may mắn, gần đây mới tháng hai năm nay đã cảm trời người có Nhược Tăng Diện bảo tôi rằng: Văn đã viết, Tục Cao tăng truyện, Quảng Hoằng Minh Tập... khiến giúp Thánh hóa hiển tùy hỷ đều khen ngợi. Cho đến luật bộ sao lục số nghi không đáng nghi ngờ, chỉ đoán vật nặng nhẹ có ít lỗi lầm. Đây không phải lỗi nhân đầy xô người dịch, vì sao lấy áo quý của vua mà xem đồng với áo tại gia kẻ tục, đều xếp vào trong. Lại vua mặc áo quý đồng với ba y của Tỷ-kheo, trị giá mười

muôn, nên gọi là áo quý, dùng để thí tăng có thể đồng với hạn nhẹ, áo của tại gia ngoại đạo. Đây vốn là tuyệt diệu của xuất gia, ba y chỉ Phật đặt tên người mặc chắc chắn được giải thoát. Thế nên người tại gia, áo tục Phật nghiêm dạy dứt bỏ. Nếu có kẻ quên thì đều thuộc về trọng.

Cho đến ba y lông thú, tướng hưởng đồng với ba y. Biên phương cho lấy da làm ngoại cụ cũng là ba y, điều lá ở ngoài, bông mềm ở trong, nước quá lạnh Phật cho làm đạo ắt đến bố hương lại chẳng phải hạn nhẹ, có thể đổi mê trước mà theo ngô sau. Khi Như Lai còn sống còn chế sau bỏ trước, hướng chi ngày nay chẳng còn việc mê ngộ. Tôi hỏi từ đâu đến có một vị trời đến kính lễ thành thật kể rằng: Đệ tử họ Vương, tên Phan, là quan đài của Đại Ngô, gặp thầy mới đến lập nghiệp, tôn chủ chưa cho khiến cảm hay có điềm lạ lập miếu phi thường.

Lúc đó, trời đất thần kỳ đều che chở, trong hai mươi một ngày cảm được Xá-lợi. Chúa Ngô tay cầm bình đồng rót Xá-lợi xuống mâm đồng, mâm bị lũng, cho đến đem lửa đốt cháy Xá-lợi vẫn còn nguyên. Đám hán trạch Trương dục cũng là trời người giúp đỡ vào trong thân khiến thần trí sáng suốt đối đáp đều hợp, nay đều ở trên trời mở mang Phật pháp. Đệ tử là sứ giả của Vi tướng quân Nam thiên. Tướng quân công việc rất nhiều, ủng hộ Phật pháp ở ba châu, có việc đấu tranh lạng nguy, đều đích thân đến hòa giải. Nay phụ vào hòa-nam thiên muốn đến đây, việc trước ngăn cách chẳng bao lâu sẽ đến. Lại khiến đệ tử nói bàn với sư. Chẳng bao lâu lại có vị trời đến bảo là họ La, người nước Thục, nói tiếng Thục, nói rộng luật tướng.

Tướng đầu khi thấy như lễ nghi tục, kể rõ nguyên do có nhiều thứ lớp, bèn có chột quên. Kế có một vị trời nói họ Phí, kính lễ như trước thưa rằng: Đệ tử sinh ra từ thời Phật Ca-diếp, ở trên trời dưới quyền của vị tướng quân. Các trời say mê tham dục. Đệ tử vì nguyện lực xưa chẳng thọ dục cõi trời mà thanh tịnh phạm hạnh rất kính tỳ vi, Vi tướng quân là bậc Đồng chân phạm hạnh, không thọ vui cõi trời. Dưới một vị vua có tám tướng quân, bốn vua có ba mươi hai tướng quân, khắp bốn thiên hạ, trở lại giúp đỡ các vị xuất gia trong bốn thiên hạ.

Châu Hắc Thiên ít có Phật pháp, ở ba thiên hạ kia thì Phật pháp rộng mở. Nhưng người xuất gia phần nhiều phạm giới cấm, ít có người đúng pháp. Đông tây thiên hạ ít có người thông minh, phiền não khó giáo hóa, một châu phương nam tuy nhiều người phạm tội nhưng hóa khiến theo thiện thì tâm dễ điều phục. Khi Phật vào Niết-bàn thì nhận lời phó chúc và khiến giữ gìn chẳng để ma quân quấy nhiễu. Nếu chẳng giữ gìn như thế là phá giới. Ai có hành ngã chi pháp giáp. cho nên Phật

dạy răn chẳng dám làm, tuy thấy hủy giới cấm thương mà hộ trì. Thấy làm một điều lành thì muôn lỗi chẳng xấu, các việc quên dấu vết, chẳng giữ lỗi cũ.

Lại hội thú trong loài người xông lên trời cao bốn mươi muôn dặm, các vị trời thanh tịnh đều rất sợ. Chỉ vì nhận lời phước chúc (dặn dò) của Phật, khiến phải hộ trì chánh pháp, Phật còn đồng người, chỉ các trời chẳng dám chẳng đến vì tướng quân trong ba mươi hai tướng rất thích mở mang, giữ gìn. Có nhiều ma trai, ma gái phá khuấy các Tỳ-kheo đạo lực suy kém, đều bị hoạc loạn. Tướng tướng quân liền nhanh chóng đuổi đi, ứng cơ trừ diệt.

Cho nên có việc liền đến chỗ Tứ vương. Lúc đó, vua thấy đều đứng dậy vì Vi tướng quân tu hạnh đồng chân, giữ gìn chánh pháp. Đệ tử tánh ưa giới luật. Như Lai một đời chế ra Tỳ-ni, đều ở giữa tòa nghe nhận giới pháp nhân hỏi các văn nghĩa sâu kín trong luật, đều giải quyết dính mắc. Nhưng ở Đông Hoa Tam Bảo có núi biển nước đá riêng thường hiện. Chỉ bảo là linh mà kính nhìn, hỏi nguyên do thì chẳng biết chỗ đến. Bèn do nhân duyên này mà thưa hỏi. Lại rộng nêu văn tướng, dùng lý bao gồm chưa từng rộng xem chẳng thể nói đủ. Tôi là kẻ ít học mong sách vở cứu đời, sư thầy nghiêm thần, minh tướng minh báo tin dị thuật dị chí, quá lực u từng xem qua mà không nghi ngờ. Huống chi Phật đã nói khắp trời người tâm mạnh văn nhọn hộ trợ hình thần, giữ gìn thành tháp. Sự xảy ra thì nghe biết trước không phải uổng lời. Các duyên kể sau đều y theo đó mà giải thích.

Trước hết hỏi Phật sư

Ở Ích châu, tại thành đô có Đô bảo thạch Phật, thời nào tượng từ đất vọt lên?

Đáp: Ở Thục Đô Nguyên Cơ trên núi Thanh Thành, nay là đất Đại Hải ở thành đô. Xưa thời Phật Ca-diếp có người ở Tây Nhĩ Hà tạo ra, định là toàn thân tượng Phật Đa Bảo. Ở Tây Nhĩ Hà trên chùa thứu Đầu Sơn, có người thành đô đến đó hưng dị thỉnh tượng đem về đến nay ở chùa Đa Bảo, là chỗ thân biển chìm thuyền. Trước khi lấy tượng người ta thấy thân biển đi trên bờ, gọi là sơn quái, bèn giết chết, do đây thân nổi giận, người tượng đều chìm trong một thuyền.

Phật Đa Bảo xưa ở chùa trên núi Thứu Đầu, nay nền cũ còn ở đó, có một ngôi tháp thường phát ra ánh sáng. Nay đường đến đó từ Lãng châu qua các núi lớn nhỏ có hơn ba ngàn dặm mới đến được Tây Nhĩ Hà. Sông rộng lớn khoảng trăm dặm, ở giữa có núi, cũng có chùa xưa và kinh tượng mà không có tăng ở. Kinh đồng với văn này. Lúc đó,

nghe có tiếng chuông. Bá tánh hết lòng, mỗi năm hai lần cúng dường tháp xưa. Tháp như giới đàn, ba tầng đá trên có chảo úp, số lượng rất nhiều. Cõi ấy các người chỉ nói là mả thần, thường phát ra ánh sáng. Người dâng rau dưa mà cúng tế cầu phước.

Ở phía Tây bắc xứ ấy hơn hai ngàn dặm, cách Thiên-trúc không xa thường có người đến đó.

Đến đời Tấn có tảng ở đất thấy từ gỗ mả ra, khi ẩn khi hiện, chẳng bình thường, sau thấy nứt ra rất là quái dị. Bền đào sâu xuống đất khoảng hơn một trượng thì được tượng và xương người ở trong thuyền, sọ và xương đều lớn gấp mấy người thường. Tức thời Phật Ca-diếp lúc người Diêm-phù-đề sống hai muôn tuổi. Thời nay tuổi thọ ngắn, thân hình thấp nhỏ, chắc thường như thế khi mới ra thì níu kéo khó được, đệ tử hóa thành người già chỉ huy phương tiện phút chốc được ra. Đến đời Chu Diệt pháp thì tạm ẩn. Đời Tùy hưng vợng lại ra. Người Thục thì biết sự linh từ đất mà ra, cũng chẳng lường được nguồn gốc. Thấy trên hoa phụ có nhiều chữ báu, bền gọi là Phật Đa Bảo và gọi là chùa Đa Bảo.

Tôi hỏi: Đa Bảo là lệ thư, xuất hiện vào đời vong Tần vì sao thời Phật Ca-diếp đã có sách thần châu?

Đáp: Đời Vong Tần, lý tư lệ thư đây là đời gần, nối xa mà hưng lệ thư đã hưng ở đời Phật xưa. Nay thấy ở Nam châu bốn mặt có hơn ngàn châu khác để trang nghiêm Diêm-phù, một phương có hơn trăm nước, văn tự tiếng nói đồng với nước Đường, chỉ vì đường biển xa xôi phải đi mấy mươi muôn dặm. Người dịch chẳng truyền, cho nên khiến phương này phong hoài giữ gốc chẳng lấy làm lạ, thầy chẳng nghe ư? Lương cố đã vương đại học Đại bác sĩ. Chu phỏng tự nguyên, ẩn hiện không nhất định. Cho nên bài tựa Ngọc thiên chép: Có khai xuân giáp quân cơ được minh văn ấy đều là chữ Lệ. Kiểm xuân giáp là thời sáu nước đời Chu. Chữ lệ thì không phải ngày thôn tính, nước này các chữ triện, lệ cùng có mong muội đâu biết là việc thời Phật Ca-diếp không phải là chỗ tai mắt thấy nghe.

Tôi lại hỏi: Nay ở phía Tây kinh thành có đài cao tứ sĩ, tục gọi bảo là Thương Hiệt tạo ra thư đài, vì sao chữ lệ thời xưa đã có.

Đáp: Thương Hiệt ở trên đài này đắp đất tạo đài xem dấu chân chim, không phải chẳng có việc ấy. Lại truyện Thương Hiệt đất này ít ai biết nguồn cội. Có người nói là tôi của Huỳnh Đế, có người nói là vua chúa xưa, dấu chân chim yết biến một đường, nay bày ra có lời vô ích chẳng nhọc bàn.

Lại có vị trời họ Lục tên Huyền Cường đến hỏi rằng: Đệ tử từ thời Chu Mục Vương sinh ngày đầu tiên vốn là thời Phật Ca-diếp, trời người là thông hóa, tạm hiện thời Châu, hỏi kinh tứ đài Tây cao, vốn là Phật Ca-diếp ở đó ba hội nói pháp độ người. Đến đời Mục Vương liền theo, tức liệt tử gọi là hóa nhân.

Hóa nhân chỉ cho Mục vương, đài cao tự là chỗ Phật Ca-diếp nói pháp, do đó mà tạo ra Đạo Tràng ba hội. Đến thời Tần mục công thì Phù Phong được một tượng Phật bằng đá, Mục công chẳng biết mà bỏ trong chuồng ngựa làm ô uế tượng này. Tượng thần nổi giận khiến Mục công bị bệnh. Công nằm mộng đạo đến Thượng đế bị trách mắng nặng nề. Khi thức dậy thì hỏi quan hậu Do Dư. Đáp rằng: Thần đọc sách xưa, thời Chu Mục Vương, có hóa nhân đến đất này, đó là thần Phật. Mục Vương tin bèn ở núi Chung Nam mà tạo đài Trung thiên (đài giữa trời) cao hơn ngàn thước, nên cũ hiện vẫn còn.

Lại ở đài Thương Hiệt tạo miếu thần gọi là đạo tràng Tam hội. Nay bệnh của công chẳng phải do Phật thần làm ra ư? Công nghe rất sợ, bảo Do Dư rằng: Ta gần đây được một tượng người bằng đá, áo mũ không phải ở đây chế ra, bỏ trong chuồng ngựa không phải là Phật thần ư? Do dư nghe nói liền đến xem, thưa rằng đây thật là Phật thần. Công bèn tắm gội tượng rồi đặt ở chỗ thanh tịnh. Tượng bèn phát ra ánh sáng. Công lại sợ bảo thần giận. Giết mổ ba con vật mà cúng tế. Các thiện thần nâng tượng đem bỏ chỗ xa, công lại sợ hỏi: Do Dư đáp rằng: thần nghe Phật thần thanh khiết chẳng nhận rượu thịt, thương xót mạng sống chúng sinh, coi như con một, nếu có cúng dường thì chỉ đốt hương và chỉ cúng tế hoa quả, bánh trái mà thôi.

Công rất vui muốn tạo tượng Phật mà không cần thợ, lại hỏi, Do Dư đáp rằng: Xưa, Mục vương tạo bên chùa có thợ giỏi, bèn ở trong bao bốn đài trong nam thôn được một cụ già họ Vương tên An, tuổi đã tám trăm, tự bảo từng ở đạo tràng Ba hội thấy người tạo. Thần nay tuổi đã già không có sức làm được. Ở thôn Bắc thấy có người thứ tư, từng ở đạo tràng làm các thợ, bèn mời cùng làm. Bèn y lời mà làm thành một tượng đồng tướng tốt đẹp đẽ, công rất vui bèn thưởng, người ấy được tiền đều tạo công đức, ở trên đài đất mà tạo lâu các cao ba trăm thước. Lúc đó, người gọi là đài cao tử. Có người nói bốn anh em cùng lập, có lẽ lấy tên anh cả để chỉ, nên gọi là Cao tử, đến nay vẫn còn gọi.

Lại hỏi: Mục-liên đã mất trước Phật tại sao lại hiện?

Đáp: Đồng tên sáu vị đây là Tiểu Mục-liên không phải là Đại Mục-liên. Đến thời Vũ Văn Chu, Văn-thù-sư-lợi hóa thành vị tăng Ấn-



độ lại đến đất này tên là núi Thanh Lương, hỏi khắp đạo tục không có ai biết. Lúc đó có pháp sư Trí mãnh tuổi mới mười tám đến hỏi vị tăng Ấn-độ do đâu mà biết có biết di tích của hai Thánh.

Đáp: Cách phía Nam đô thành nước Tần hai mươi dặm có Thương Hiệt tạo thư đài tức là đất ấy.

Lại nói ở phía Nam sa hà năm mươi dặm ở phía bắc thành sơn bốn mươi dặm.

Lại hỏi Sa hà và Thanh sơn là gì.

Đáp: Đó là sông vị và núi Chung. Vị tăng này lại từ sông vị mà đi thẳng đến núi nam, bèn đến đài cao tứ, liền bảo: Đây là chỗ Phật xưa nói pháp.

Lúc đó pháp sư Trí mãnh theo đến lễ bái chẳng bao lâu chỗ ở của vị tăng Ấn-độ biến mất. Trí Mãnh lớn lên vì Thái Thường Vi Khanh mà nói rõ. Xin ở chỗ đài xưa mà lập chùa, bèn tâu Chu Vương, đặt tên là chùa Tam hội. Đến niên hiệu Đại Nghiệp đời Tùy thì dẹp bỏ mà sáp nhập vào chùa lớn, nhân phá bỏ điện phối nhập vào chùa Phật Tam Hội. Sau hai mươi tư năm Thích-ca Như Lai độ Ca-diếp lại đến đài này, trong đó thấy có Xá-lợi-Phật Ca-diếp.

Đích thân Chu Mục Vương đến đất đại hạ, Phật bảo đất đó có ngôi tháp xưa hãy đến đó kính lễ.

Vua hỏi Phật ở phương nào.

Đáp: Ở phía Đông nam cao kinh.

Nước tây Thiên-trúc có nói đủ trong biệt truyện. Cách rất nhiều năm vị tăng nước Sư tử là người chứng quả thứ ba, chín mươi chín hạ, nghe Thánh tích này đi chân không đến đây, tìm núi Thanh Lương, quốc gia kính đưa, nay nhập hạ ở đó mà toại ước nguyện.

Tôi hỏi từ xưa truyền rằng Văn-thù ở núi Thanh Lương thống lãnh năm trăm vị tiên, nói pháp trong kinh nói. Văn-thù là Bồ-tát ở lâu trong thế giới Ta-bà. Ta-bà là tên dung của Đại thiên, vì sao ở riêng xứ này?

Đáp: Văn-thù là thầy đầu tiên của các Đức Phật, tùy duyên lợi kiến, ứng biến khác nhau. Công của Đại sĩ không phải người ở cảnh giới này nhọc bình luận, chỉ biết Ngài thường ở tại Thanh lương, Ngũ đài. Nay ở tại núi Tiên Hoa, phủ Thanh Lương, huyện Ngũ Đài, thường có nhiều người thấy Ngài chẳng thể chẳng tin.

Lại hỏi: Nay ở núi Ngũ Đài, cách đài về phía Đông nam bốn mươi dặm thấy có chùa đại phù Linh Thứu, hai nhà cách khe cũng còn. Phía Nam có vườn hoa rộng khoảng hai khoảnh, bốn mùa trở hoa người

không thể biết. Có người nói do Hán Minh đế lập. Có người nói do Ngụy Hiếu Văn Đế lập ra, cùng vì sao nói khác nhau?

Đáp: Đều do hai vua lập ra, thời Chu Mục Vương xưa đã có Phật pháp. Núi này linh dị, Văn-thù đến ở. Chu mục xây chùa cúng dường trong đó, và vua A-dục cũng y theo đó mà đặt tháp. Đầu thời Hán minh đế, Ma đăng có thiên nhãn cũng thấy có ngôi tháp, thỉnh vua lập chùa. Có hình Linh thú (Chim Thừ) nên gọi là Đại phù. Phủ là tin. Để tin lý Phật lập chùa độ người. Đầu đời Ngụy Hiếu Văn Đế, cách bắc đài chẳng xa, thường đến kính lễ thấy có dấu người ngựa trên đá rõ ràng, việc ấy có thể biết, đầu chỉ Ngũ đài. Nay ở Chung Nam, Thái Bạch, Thái Hoa năm ngọn danh tiếng đều có bậc Thánh để làm Phật pháp có ở khắp nơi. Người có cúng bầy ất phải thỉnh trước. Trước đó bảy ngày ở trong tịnh thất bầy tòa đốt hương đọc sớ, đóng cửa cần cầu đều có cảm ứng. Đến giờ liền đến, phàm Thánh khó biết.

Nếu chẳng như thế là có nhiều người thỉnh, ít đến thọ thực, nên nay có làm tượng Thánh tăng Tân-đầu-lô, lập phòng cúng dường cũng là một cách. Nhưng phải đặt một tòa trống, đặt trước chén bát. Đến giờ tăng ăn thì mời đại tăng đến ăn. Không được dùng mâm chậu nhà tăng, vì là Thánh nhưng đều chẳng chạm đến chén bát tăng ăn, nếu là nhà tục thì tùy thế tục mà bày. Nếu chẳng để trong tịnh thất thì chỉ có thể Thánh chúng khác hoặc có thể giảng lâm khắp ba thiên hạ đồng một cúng dường theo duyên siêng báo tin, Tân-đầu-lô này rất khó gặp.

Lại hỏi: Nay Huyện Tây bàn Hòa ở Lương Châu, núi nứt bày tượng ra là do vị trời nào tạo?

Đáp: Thời Phật Ca-diếp có Bồ-tát Lợi Tâm thấy người cõi này chẳng tin nghiệp báo, thường làm việc giết hại. Lúc đó, chỗ ở có mấy muôn ngôi nhà không kính trọng Phật pháp. Bồ-tát muốn cứu mà lập già lam. Đại Phạm Thiên Vương đích thân tạo tượng, khi thành rồi, Bồ-tát dùng thần lực khiến cho tượng này như Phật thật không khác, dạo chơi nói pháp giáo hóa mọi người. Tuy được dẫn dắt như thế nhưng mọi người cũng chưa chịu tin nhận. Lúc đó, Bồ-tát thị hiện hạnh sợ sệt tay nâng tảng đá to có thể, đề cả xóm làng Bồ-tát bày sợ sệt để khuyến hóa, mọi người liền hồi tâm mà kính tin Phật.

Các dụng cụ giết hại đều biến thành hoa sen. Ở khắp các ngõ hẻm đều như trồng hoa, điềm lành từ phương này nhiếp thần lực. Bồ-tát lại khuyến các thanh tín nam nữ khiến xây dựng bảy ngôi chùa chiều Nam bắc dài một trăm dặm, chiều Đông, Tây dài tám mươi dặm, khắp núi non hang động đều là tăng phòng, Phật đường, suốt mười năm mới

hoàn thành. Đồng thời có hai muôn người xuất gia ở tại bảy chùa, qua ba trăm năm. Các vị ấy hiện nghiệp lớn. Việc ác đã gây khi xưa hiện đời thành nhẹ, chẳng vào địa ngục, những người bị hại ở trong đường ác thì lại phát nguyện ác, nó hại ta và chưa thành Thánh ta sẽ hại nó, nếu chẳng hại thì nghiệp ác liền hết, ta không dùng báo cùng phun lửa lớn thiêu đốt chùa viện và xóm làng ấy. Một lúc đốt trống cướp bóc mà sống, lại dùng gỗ nước cuốn trôi giết chết không sót một người. Lúc đó, chùa thần núi ấy chưa phá, trước thâu được tượng này đặt xa trên hư không.

Khi chùa này phá rồi thì tượng rơi xuống hang núi mà đặt bày cúng dường. Năm tháng lâu xa, đá sinh nhà mất. Đến Lưu Tát Ha lễ núi bày tượng, tiền thân Tát-ha vốn là Bồ-tát lợi tâm, đầu mình khác chỗ lại có duyên riêng.

Lại hỏi: Thụy tượng long quang ở Giang Biểu, người truyền do ngài La-thập đem đến, có thuyết nói Phù nam tìm được là sao?

Đáp: Không phải La-thập, đây chính là Tống Hiếu Võ đi đánh dẹp phù Nam mà được.

Xưa, Phật diệt độ ba trăm năm, ở Bắc Thiên-trúc có vị Đại A-la-hán Ưu-lâu-chất-đa dùng thần lực che chở thợ giỏi trong ba trăm năm đã đục núi đá lớn mà để tượng Phật, đào từ trên xuống có đến năm lớp, cao hơn ba trăm thước, thỉnh Bồ-tát Di-lặc chỉ huy làm đàn tượng và đặt ở đó.

Huyền Trang Pháp sư Truyện chép: Cao hơn trăm thước. Thánh Tích Ký nói cao tám trượng, mu bàn cao chân tám thước, sáu ngày trai thường phát ra ánh sáng. Khi mới làm, La-hán đem thợ lên trời ba lần mới thành.

1. Chiên-đàn.
2. Ngư đầu chiên-đàn.
3. Tượng vàng.
4. Tượng ngọc.
5. Tượng đồng.

Phàm phu nay thấy chỉ ở lớp dưới, bốn lớp trên thì đóng lại. Hang đá thấu suốt thấy tạng phủ người.

Trăm năm thứ sáu (sáu trăm năm sau) có A-la-hán Phật-nại-giá sinh xong thì mẹ chết, sinh đến nước Phù-nam, nghĩ ân mẹ nặng ở lớp trên mà lấy tượng chiên-đàn nhỏ cho mẹ cúng dường. Mẹ chết rồi sinh ở Dương châu, xuất gia ở chùa Tâm Hưng, ngộ được quả thứ ba.

Tống Hiếu Võ đi đánh Phù Nam được tượng, nay đem đến kinh

đồ, cùng nhờ thần lực la-hán ấy mà thấy chỗ mẹ ở, lúc đó đến các chỗ La-phù, Thiên thai, Tây phương....

- Xưa pháp thanh, Đàm vô kiệt lại đến Tây Phương, có truyện năm quyển, lược thuật duyên này, sao nói ngài La-thập đeo trên lưng đem đến cho được.

Tôi hỏi: Ngài La-thập một đời dịch kinh, đến nay nếu mới thọ trì đổi mạnh là sao?

Đáp: Người ấy thông minh khéo hiểu Đại thừa, người sau đều tài giỏi là báu một đời. Sau khi mất, ánh sáng vẫn như trước, có ngưỡng trọng thì cũng không kịp. Cho nên, chỗ dịch lấy việc ngộ đạt làm đầu được ý di kỳ của Phật lại dịch kinh từ thời Phật Tỳ-bà-thi đến nay.

Lại hỏi: Trong thế tục, thường nói lấy luân hãm giới kiểm làm lời phải không?

Đáp: Đây chẳng cần phê bình, không phải Vãng Vặc luận nghị. La-thập nay ở vị Tam hiền ở chỗ thông hóa, nhưng chỗ dịch kinh sách cắt bớt chỗ rườm rà, thêm vào thiếu, tùy cơ mà làm. Cho bộ đại luận mười phần thì bỏ chín. Các kinh luận khác cũng lệ theo đây mà biết. Từ khi dịch ra kinh đến nay rất thường tụng đọc, không hề ngậm bỏ. Minh tường cảm giáng lịch đại di tân do đây mà chứng lường, hiểu sâu Thánh chỉ và Văn-thù chỉ trao, khiến sau định đặc, biệt khác với hằng luân, há vì biệt thất kiến cơ mà quên nhanh huyền trí, rất chẳng đáng nói.

Lại hỏi: Chùa Hiến Tế ở Phòng châu núi tự nước ra tượng xưa được lập vào thời nào.

Đáp: Tượng ấy do Tần Mục tông tạo ra.

Chỗ sinh ra tượng là ở chùa do cha mẹ công tạo. Phật diệt độ rồi con gái thứ tư của Dục vương tạo tượng tháp ở đây cúng dường. Lúc ấy, chùa này có người chứng quả thứ ba ở đây, tướng Tần là Do Dư rất thờ kính.

Xưa, vào thời Phật Ca-diếp cũng ở đây mà lập chùa là do Sa-di Hiến Tế tạo ra, nhưng tên gốc vẫn gọi là Tự Ngạch.

Lại hỏi: Nay ở cung Ngọc Hoa, nam đàn Đài Sơn có ngôi tháp gạch nung, mỗi mặt rộng ba mươi bộ, tầng dưới rất đẹp, bốn mặt đều bằng khám đá, một bên có gạch nát. Lại có ba mươi lò nung gạch, rất xưa chẳng biết là đời nào, nhưng thường nghe có tiếng chuông.

Đáp: Đây là chùa của Mục vương, gọi là Linh Sơn, đến thời Dục vương sắc chỉ thần núi ở đây tạo tượng. Cuối loạn Tây Tấn, Ngũ Hồ khống quật Lưu Diệu Đô Trường an thường mộng thấy Phật ngồi trong tháp gạch, nói với diệu rằng: ông nên uống ít rượu, chớ đam mê sắc

dục, ra bỏ tà niệm, tiến dụng các bậc trung lương. Diệu chẳng nghe lời, sau ở Lạc dương uống rượu say bị té ngựa, bị Thạch Lạc bị nhốt trước Diệu nhân mộng mà ngộ, khiến người tìm núi mà hỏi, bèn thấy tượng này ngồi trong ngôi tháp nhỏ, rất phù hợp với mộng. Liền phá tháp nhỏ mà làm tháp lớn, cao mười chín bậc và xây chùa rất đẹp đẽ, chùa tên là Pháp Đăng, độ ba trăm vị tăng ở đó. Sau khi Diệu qua đời, chùa có ba mươi hai vị tu được quả thứ ba, đối với ngôi tháp này thần tiên lại tạo ngôi chùa cúng dường các vị tăng chứng quả thứ ba. Thần đến hái cỏ bạch phái cúng dường Thánh tăng đều được sống lâu. Chùa hiện nay vẫn còn. Người chẳng thấy mà nghe tiếng chuông thì tức là chuông chùa. Nền tháp cũ tuy do Lưu diệu tạo ra nhưng là chỗ chùa cũ của Mục vương lập, lại là chùa cổ của Ca-diếp Như Lai. Trong niên hiệu Trinh Quán, phía bắc núi Ngọc Hoa trên từ núi Ô xuyên thường thấy có nai nhóm họp, đuổi đi rồi lại trở lại.

Có người lấy làm lạ ở chỗ nai tập họp đào sâu xuống một trượng thì được một tượng đá cao hơn hai trượng.

Lại hỏi: Tượng chiên đàn ở chùa Đại Minh ở Kinh châu nói là của vua Ưu-điền tạo ra, truyền từ đó đến đời Lương, nay ở kinh đô lại có, thì tượng nào là gốc.

Đáp: Đại Minh là tượng gốc, Lương Cao Tổ đã băng thì tượng lại về Kinh Chử. Đến niên hiệu Thừa Thánh năm thứ ba nguyên đế Chu Bình Lương Hậu Thu quốc bảo đem về Bắc Chu. Tượng đàn ấy, có pháp sư Tăng Trân dấu ở trong phòng, dùng nhiều tiền của, hối lộ người sứ. Niên hiệu Khai hoàng thứ chín, Cao Tổ sai người là Liễu Cố đến đón. Chùa tăng lại tìm tượng, khiến chấn động kinh sở, cố nói là người trong làng. Từ đó siêng khắc đàn tượng đến cúng, chỉ lúc đó hỏi thợ thì được, vị tăng Bà-la-môn tên là Chân Đạt làm ra, tức nay là tượng ở chùa Hưng Thiện, cũng rất linh dị. Vốn là tượng ở Kinh Châu, Tăng dùng vãi trơn mà sơn, tượng tốt không đẹp bằng tượng cũ vốn là làm thân Phật sinh trong bảy ngày, nay lại thêm vãi sơn nên giống tuổi tráng niên, khác với sắc gốc. Tượng Đại Minh vốn là ở chỗ cổ Phật linh tượng chẳng chịu dời về Bắc.

Gần đây có pháp sư Trường sa nghĩa người trời ngầm giúp bèn ngộ khai phát, lột hết vãi sơn thì dáng xưa lại hiển bày làm động tín tâm, xem kỹ linh nghi thì hoàn toàn bằng chiên đàn vốn không bỏ tiếp, quang phu rất khác lạ, ngà voi điêu khắc ắt không phải người làm tượng chùa Hưng Thiện, thân mỗi mỗi đều trái cũ.

Lại hỏi: Chùa Hà Đông ở Kinh Châu, chùa này rất lớn. Tôi cùng

pháp sư cao ở chùa Từ Ân đã giao tiếp nhiều năm, người ấy là học sĩ của pháp sư vân ở chùa Hà Đông bảo: Chùa này xưa có vạn tăng ở, có đầu tiên ở Chấn Đán. Nghe nói rất vui mừng, không thể suy lường hiệu Hà Đông, xin nói rộng cho, cũng là sự vĩ đại của Phật pháp.

Đáp: Nhà Tấn dời đô về nam, Quách Phát là người học rộng.

Chu Phỏng Địa Đồ chép: Đây là kinh đô cũ của Kinh Sở muốn để ở Lai Châu. Sau đến Tùng Tư, đất có thể làm kinh đô, bèn đào lấp đất bằng, liền vì quá nhẹ nên lấp đất hầm cũ thì đất lại không đầy, lại thấy có một ngôi nhà nhỏ, đi vòng quanh có đắp tượng, bảo đất này đã thuộc Tam bảo, liền thôi.

Từ xưa, khi Kim Lăng vương đến nay chẳng dứt, chắc phải trải qua ba trăm năm liền lập đô mà dựng nghiệp. Nhưng ở đất này đặt quận Hà Đông. Dời, bốn họ Bùi, Liễu, Tiết, Đỗ về ở đó, đất ở Quang Khúc cùng loại với Hà Đông, tây chúa Phù Kiên dời Tấn, bờ bắc Kinh Châu đều thuộc Tần. Lúc đó, Hoàn Xung làm Mục ở Kinh châu, pháp sư Yến Dục qua sông xây chùa Đông đặt tên là chùa tăng Trường Sa, chùa tây đặt là chùa Tứ Tầng, Phu Kiên bài rồi thì các đất bờ Bắc đều thuộc nhà Đông, Trường sa, các vị tăng ở Tứ tầng đều trở về chùa cũ, hai chùa Đông tây nhân xưa rộng lập, từ các đời Tấn, Tống, Tề, Lương, Trần, tăng đồ có đến mấy muôn người. Cuối đời Trần đầu đời Tùy người có danh đến ở có ba ngàn năm trăm vị, có mấy ngàn tịnh nhân. Điện có mười hai gian, chỉ hai cột thông rường đã năm mươi lăm thước, rường cột chồng chất.

Trong nước kinh quán tức Di Thiên Thích Đạo An khiến đệ tử là pháp sư Dục tạo ra từ Tấn đến Đường đều không khuyết tổn. Trước điện có bốn vạc sắt chứa hơn mười斛 gạo để trồng hoa sen. Tháp trước điện do Tống Tiêu Vương Nghĩa Lý tạo ra. Trong tháp có đắp tượng và phía trong đông điện có nhiều tượng đồng mạ vàng, bảo chấn phi tiên, châu phan hoa bội đều là người trời của bốn vị Thiên vương tạo ra. Trong chùa tăng chúng gồm chủ khách hơn muôn người. Người đang thuyết giảng hơn năm mươi ba người.

Đã được Thánh quả đều thống lãnh ngàn vị tăng, các tiểu Pháp sư thì hơn năm trăm vị, luật sư Thập tụng có bốn mươi chín vị đều được quả Thánh, thiền sư Đại Tiểu Thừa thì hơn tám trăm vị. Người được quả Thánh có đến hai trăm bốn mươi bốn người. Đồ chúng nghiêm túc chẳng thể kể hết. Pháp chùa lập chế tụng kinh sáu mươi tờ thì khỏi cần Duy-ma tụng kinh Pháp hoa để độ thì khỏi Trục tuế. Phòng chùa năm lớp đều có bảy gian, riêng viện lớn nhỏ có hơn mười viện.

Hai viện Bác chu, Phương đăng rất trang nghiêm đẹp đẽ, riêng mùa hạ có đến ngàn vị. Trong chùa nhà cửa và bốn bên lang vũ có đến muôn gian, chùa mở ba cửa hai lớp bảy gian, hai nhà điện vũ bày ngang đều chẳng trùng lặp, y theo số đất lấy sự bền lâu. Do đó, Điện vũ đến nay đã ba trăm năm mà không chút hư hao.

Đông xuyên đại trì ở đây cao nhất, ánh sáng xuyên nguyên thật là tráng lệ.

Lại hỏi: Trong nhà di thiên họ Thích, thức chiêm nói cửa lửa đỏ kinh tương sớm chiều mà thấy chưa biết thế nào? Đáp là sự thật. Nay ở chùa Đông thấy còn đài lửa.

Người sau tôn kính chỗ ấy trồng cây ở trên, chung quanh xếp đá đào ao trồng hoa sen cúng dường, đây là vết tích ẩn thủ không nghĩ bàn của Bồ-tát.

Lại có một bồn nói cõi lửa là đối.

Hỏi: Nếu đối truyền như thế vì sao chùa Đông Hà lại còn đài lửa, phía Nam Kiếm Sơn lại có thôn lửa. Y cứ vào duyên do này thì có đất cõi lửa.

Đáp: Không phải, người sau xây đài trên đó và trồng cây cúng dường. Đâu có bên điện Phật mà đặt lửa? lại trong tiếng lửa vốn đất cũ là lữ quốc, quận quốc. Người đời sau chẳng phân biệt bèn đối định.

Việc này hai bản văn đều nói khác, cho nên đều chép đủ ra đây.

Lại hỏi: Giản châu ở đất Thục, chùa tam học, không đèn mà thường sáng là sao?

Đáp: Núi có Bồ-tát, chùa Phật Ca-diếp thời chánh pháp mới lập có Bồ-tát hoan hỷ vương tạo lập chùa tên là Pháp Đăng, từ đó đến nay thường sáng, biểu thị cho không. Có tiểu Bồ-tát hơn ba trăm vị như Đoạn Hiệp Hà Linh thường ở núi này. Đèn này lại là sơn thần quý đặc, tục hậu cúng dường. Đến tháng giêng mọi nơi đều đốt đèn cúng dường chùa Phật.

Lại hỏi: Bên chùa Tương Tư ở Bồi châu có nhiều cổ tích, do Triệu minh khắc chẳng biết duyên gì?

Đáp: Thời Phật Ca-diếp có thần núi họ La tên Từ Minh là người đất Thục. Xưa là Tỳ-kheo trì giới, sinh ganh ghét mà phá giới, phát các nguyện ác rằng khiến ta chết rồi sẽ làm đại ác quỷ ăn thịt người phá giới. Do đó nguyện thọ thân làm thần núi này, có nhiều quyến thuộc, làm chủ đất này. Chiều Đông Tây hơn năm ngàn dặm, Nam bắc hơn hai ngàn dặm, hằng năm ăn thịt cả muôn người. Thần này vốn từng làm anh của Phật Ca-diếp, sau làm đệ tử. Phật ấy thương xót nên đến giáo hóa,



dùng các thứ thần biến trước để điều phục và trao cho năm giới. Tù biết tặc mạng. Vì chẳng ăn thịt người, sợ sau tâm biến đổi cho nên Phật lưu dấu. Dục vương xây tháp tiên đó trên đỉnh núi. Thần bèn dấu trong đá, tháp là do Dục vương xây dựng.

Ở linh tích Nam Hải Tuần châu, đây chính là đệ tử của Thánh Văn-thù làm thần núi ở đây, tạo nhiều nghiệp ác. Văn-thù thương xót nên đến giáo, bèn biết tặc mạng thỉnh để lại dấu vết. Con thường kính lễ mà được lìa các điều ác. Văn-thù hiện ra, nay là chỗ đó. Niên hiệu Trinh Quán năm thứ ba, thần núi qua đời, sinh lên cõi trời Đâu-suất. Riêng có một vị thần đến ở đất này, có bà con với thần cũ, gây ra các điều ác lớn mà sinh lên cõi trời. Thần cũ thương xót xuống thỉnh Văn-thù vì hiện dấu vết nhỏ để hóa độ vị thần sau. Lại theo chánh pháp... nên nay núi này dấu vết lớn nhỏ hiện ra đều không phải do đây.

Lại hỏi: Ở núi Bắc sơn ở Bí châu, nay thấy Phật trong hang đá thường chiếu ánh sáng là sao?

Đáp: Trong hang đá này, Phật Ca-diếp hai thời đều có. Xưa con thứ hai của Chu Mục vương tạo tượng Phật Ca-diếp.

Lại hỏi: Núi Chung nam ở Vị châu có núi mặt Phật có bảy khe Phật, việc đồng với trước, kho núi lớn trong Nam sơn là kho do chính tay Phật Ca-diếp tạo ra. Nay thấy có mười ba vị duyên giác ở trong hang núi ấy. Nay các chỗ chùa tháp phần nhiều là nền móng của Phật xưa. Dục vương biêu thị nên phước địa thường còn, chẳng nên xem thường. Nay có tên tháp như thường nghe, không gọi là kho (tạng), tùy chỗ cũng có.

Ở Hà Tây, cam châu các chùa tháp trong thành có xá-lợi Phật xưa, và dưới điện Phật chùa Linh Nghiêm ở Hà Châu cũng có xá-lợi, ở dưới điện mạch lạng ngạn tại Tần châu cũng có xá-lợi. Thần núi đem dấu, chùa này do Chu Mục Vương tạo ra tên là Linh An, trải qua bốn mươi năm thường có người đi ra.

Tháp chùa Trường Ninh ở Kinh châu do Dục vương tạo ra, ở dưới cũng có xá-lợi chôn sâu dưới đất hơn một trượng, hầm đá năm lớp dựng đầy thân xá-lợi nát vụn.

Ba ngôi tháp ở Ích Châu là Đại Thạch, Võ Đảm và Lạc Huyện đều có thần dị như tháp Trường Can, tháp mật huyện là do Dục vương tạo chẳng?

Đáp: Xưa là Lưu-tát-ha cảm điều linh. Nay đến Dương châu, thành Đãng Việt thì thấy Trường Can có khí lạ, nhân đào lên mà được, như nay truyện đã nói.



Tôi hỏi: Nếu thế đã có Trường Can thì là chùa Phật chăng?

Đáp: Chẳng phải sát can. Can là đất Trường Lũng, gọi Lũng là Cam; tháp ép bên Trường Lũng, thư chẳng nói ư. Bao gồm Can việt, đất việt có nhiều Trường Lũng.

Tháp mâu huyện ở lâm hải cũng là tháp cổ của Dục vương. Tháp nhỏ là Phật đầu trong kiếp hiền có xương tay của Phật Ca-diếp người không thấy được. La hán đem đến núi Thiết Vi để lại trong tháp nhỏ, từ đất vọt lên vì khai phước tục. Tháp ấy có nhiều thiện thần thường hiện hai con cá, trong giếng cá man, cá lê là thần giữ tháp. Một bên có dấu chân Phật trên đá, cho là ba Phật trước đã đạp lên.

Xưa thời Chu, đất này có nhiều người ở nên để ở tháp này.

Lại hỏi: Nếu thế, Chu Mục về sau vẫn tự ít thấy.

Đáp: Xây tháp là duyên trước phần nhiều do thần linh tạo ra, người thấy thì ít nên vẫn tự ít truyền. Dương Hùng, Lưu Hưởng tìm ở trong tàng thư thường thấy có kinh Phật, há không phải là trước đời Tần đã có kinh tháp. Nay phía Nam Hành Nhạ khoảng năm, sáu trăm dặm ở phía bắc Vĩnh Châu có con sông lớn, chiều Đông sang Tây hơn năm trăm dặm, chiều Nam sang Bắc hơn một trăm dặm, trong sông xưa có người ở mấy mươi muôn nhà, nay mọc các cây lớn.

Lớn thì đường kính hai, ba trượng, dưới không có cỏ cây rừng rất là đáng yêu. Trong có sông lớn chảy về Đông, vào sông Tương. Tìm khe mà thấy thì được sông Nam có hang Bắc, ra vào hang có ao vuông, bốn phương đều chất đá, nước sâu rộng ở. Có phạm thì vôi vàng sẫm sét. Ở phía trái hang có nhiều cây quất tụ, dương mai, trồng rất thứ lớp. Ao phía Nam có ngôi tháp lớn của Dục vương, hoa đá dâng lên, trên có khám che mà bằng với đất. Tháp trên ngọn đông có đủ bi ký. Chử triện có thể biết lên thang chếp lấy, đủ biết nguyên do lập tháp. Đại Minh ở phía Nam Hành Sơn đặt chỗ chùa cũng có ngôi tháp đá, chùa ấy chiều nam bắc dài hơn mười dặm, bảy chỗ tám hội, nên dòng nước chỗ nào cũng đều lập tịnh viện.

Lại hỏi: Đất này thường truyền Phật là thời Ân Chu Chiêu Lỗ Trang cùng nói chẳng đồng chỉ định như thế nào?

Đáp: Đều có nguyên do, đệ tử thời Hạ Kiệt đều sinh lên cõi trời đủ thấy sự hóa độ của Phật. Lại có ba thân: hai thân pháp, báo thì người chẳng thấy, cùng hóa đấng đã lập từ trên thì người chẳng thấy, cùng hóa đấng đã lập từ trên thì chỉ có hóa thân khắp độ ba ngàn trăm ức thiên hạ, cho nên có trăm ức Thích-ca, tùy người mà cảm trước sau chẳng định. Hoặc ở cuối nhà Ân, hoặc thời Lỗ Trang đều ở trong ngàn trời,

trước sau cảm truyền một hóa, cảm thấy tùy cơ trước sau. Pháp và báo thường tự trống vắng chẳng đáng nghi ngờ.

Lại hỏi: Thời nay thụy tượng có nhiều, cho là con gái thứ tư của Dục vương tạo ra việc đó lâu xa khó là sự thật.

Đáp: con gái thứ tư của Dục vương dung mạo xấu xí rất tủi hận, bèn vẽ hình Phật tướng tốt khác Phật, lại như thần mình. Xong rồi phát nguyện tướng tốt của Phật ắt là khác người, làm sao đồng với hình nghi của ta. Lấy đây khổ cầu trả nhiều năm tháng, sau cảm Phật hiện vốn khác với hình xưa. Cha hỏi bèn thuật đầy đủ điều mình nguyện. Nay, Ngọc Hoa ở Bắc sơn, Trường sa thuộc kinh châu, cao-ly ở Dương đô và trong chùa tôn kính đều là tượng ấy. Hoặc viết là quang phu. Người ít biết Dục vương khiến các thần quỷ ở đấy sắp đến khai ngộ Phật pháp, nay các tượng ấy đều không phải hình con ta, đất chùa tôn kính vốn là chiến trường. Tây Tấn sắp hết thì Ngũ hồ nổi lên, chiến tranh giết hại ở đất này rất nhiều. Xương người dưới đất nay cũng còn. Giết người vô tội chết chóc tàn khốc, cho nên các quỷ thần dất nhau trấn giữ, khiến các oan hồn được sinh niệm lành. Nhà Chu diệt pháp, các thần cũng dời đi khi nhà Tùy hưng thịnh thì đạo Phật lại hưng khởi. Lại hỏi: các thần tự tại, oai lực rất lớn, còn ba ngôi tháp ở Thục xuyên đều gọi là đại thạch, người có đào lên không biết được nguồn gốc. Còn như Tần Xuyên vỡ công một tháp, các bộ lão truyền nhau là tháp của Dục vương, ba mươi năm xuất hiện một lần, niên hiệu Trinh Quán trở lại đây có hai lần xuất hiện. Tuy diềm này rộng lớn nhưng Xá-lợi như xương ngón tay ở trong hòm đá, vì sao hẹp lâu như thế.

Đáp: Trong các quỷ thần giàu nghèo bất định đều do nghiệp xưa, như người chẳng khác. Ở cõi trời cũng vậy, tùy chỗ có mà cúng dường tháp này.

Lại hỏi: U minh chiêu cảm, trong tục thường có nghi, đem thần đuổi hình hủ mà còn trở lại, như ghi trong truyện ký, hoặc qua bảy ngày, một trăm ngày, cho đến ba năm, thức đến hình dậy như còn sống chẳng khác.

Như trong kinh nói: Ghi chép tinh thần ở chỗ vua, năm, ba, bảy, này là gì?

Đáp: Người bảm bảy thức, thức đều có thần. Tâm thức là chủ. Chủ tuy đến trước mà thần kia giữ gìn, chẳng đáng lấy làm lạ, ông ấy hỏi tôi rằng: Sư nói thọ giới, một giới có mấy vị thần.

Tôi nói: Thấy trong năm giới, một giới có năm vị thần, không biết đại giới như thế nào?

Đáp rằng: Tăng thọ giới có hai trăm năm mươi vị thần, nếu phá một giới trọng thì chỉ có một vị thần biến mất, còn hai trăm bốn mươi chín vị thần thường theo người phạm giới.

Lại hỏi: Cầu thiến là người ở huyện Ba Tây ở Miền châu được quả thứ hai, làm khách đạo thôn Tân Phần dạy học, người ấy không dùng rượu thịt. Người trong thôn phần nhiều tin theo ngoại đạo, đem rượu thịt cho ăn, người ấy chẳng ăn, người trong làng đến xin thì không cho, nên bị đánh lại chẳng còn lễ ngộ, bèn nổi giận. Do đó phát nguyện nằm ngửa trong cỏ ở ngoài thôn dùng bút hương lên hư không mà viết. Người trong thôn lấy làm lạ hỏi, bèn đáp: Tôi viết kinh này để trời đọc chẳng cho người thấy. Các trời đem giấy bút ngó xuống mà chép. Viết được kinh Kim Cương Bát-nhã, một quyển. Bảy ngày sau mới viết xong. Các trời tạo lọng báu mà che, đất bèn không cỏ, trẻ con thả trâu tránh mưa phần nhiều ở dưới, người trong thôn lấy làm lạ là áo vẫn khô?

Đáp: Ta ở chỗ Cầu tiên sinh viết kinh tránh mưa. Người trong thôn do đó mà tín kính nay, ở chỗ ấy cây mọc rào lại chẳng cho xâm phạm, mỗi khi đến ngày trai người trong thôn lập hội ở đó.

Lại hỏi: Tên chùa Cổ Sơn Trúc lâm có từ đời nào?

Đáp: Chùa này được xây dựng vào thời Phật Ca-diếp, Chu Mục vương ở trong đó tạo chùa. Điện Phật và đặc tượng của Mục vương đến nay vẫn còn. Thần núi từ Phật thỉnh năm trăm vị la-hán ở chùa này, tức nay có hai ngàn Thánh tượng quanh chùa. Bên trái thấy có năm muôn vị tiên chứng năm thần thông cúng dường chùa này.

Từ đây về sau sẽ nói về các tướng luật.

Trời hỏi tôi rằng: Sư vốn ở tại đất lương, trì luật làm đầu, đã soạn ra các luận, người đều nghe biết, niên hiệu Kiến sơ, định lâm đều ở đấy. Khi sinh thấy Từ tôn ít có mạn tình, cũng lại rất giải quyết luật tướng, nên nay sinh cõi người. Các hiểu biết hiện nay trăm không còn một, nhưng có chỗ chú ký sao nghi đều đã từng nghe, dự tập kể báo mạng của sư đã mất hơn một năm. Nay thì vì truyền lục dư nghiệp từ lực đã luận, trời người đều giúp đỡ. Ngày lại ngày, Sư há chẳng biết. Năm rồi đến nay không giáng tổn nhật, chỉ chết khô mà thôi. Như cây khô, xe mục không thể đẹp lại.

Tôi hỏi: Nếu thế ý muốn đọc lại tạng kinh, sao chép yếu hạnh kiến sự có được toại ý chăng?

Đáp: Sư trước đọc tạng kinh rất thô, chỉ giữ luật tướng, còn văn nghĩa ưu nhu thì có lỗi chẳng sâu sắc, ắt muốn đọc lại, tùy phần cũng nên được. Không hề báo mạng chết đã lâu, chỗ sinh lại muốn sư đến, sư

thường quán chẳng nguyện sớm ở người có mở mang luật giáo, nguyện xong rồi lại bảo rằng: Trước ở chỗ chế Chương phục nghi linh thần rất cảm mừng. Từ khi Phật pháp truyền về Đông đã sáu bảy trăm năm. Luật sư ở Nam, Bắc không hề có ý này, sao dùng tiền do sát sinh mà làm y phục từ bi thì toàn chẳng đúng. Sư sao siêng bỏ ý này.

Đáp: tôi đọc luận Trí độ lòng đâu dám trái. Và sau khi nghe luật liền thấy y tầm ngọa cụ dẫu đã thành đều hư hoại mục nát, do đây lại càng thêm kính ngưỡng, thời xưa ở triều Chu, lão tăng đều mặc y vải bố, cả một đời mặc một chiếc y vá, đều là vải thô, cho đến năng hai, ba cân. Lại thấy vị tăng Ấn-độ từ Tây Trúc đến đều mặc y vải, hỏi thì đáp: Các nước ở năm xứ Thiên-trúc không có y tầm (y bằng tơ tầm). Do đây mà khởi soạn chương Phục Nghi.

Xem chung xưa nay thành giáo, dung hội ngọa cụ ba y, lại phàm tình vụn vặt giữ chặt rất nặng, y phục mặc vào thân chớ nên làm tổn hại vật mà chịu bỏ mặc pháp phục này. Lại, pháp phục đã định vốn hiển tâm nhân từ, chẳng phải thì không cứu giúp, cứu giúp ắt do từ mà hộ trì. Cho nên tâm Phật rất đại từ. Sát sinh mà hành từ thì chưa thấy việc đó. Cho nên lặng lẽ soạn luận. Nhà năm mẫu, cây dùng cây tang, sáu mươi tuổi, dung sắc đã suy, trong nhờ lụa bông, ngoài mặc vải thô. Sở dĩ mặc áo vải thô là chung cả người giàu sang và nghèo hèn, nay cũng làm chung ở vua quan, phép xưa chẳng đối, có già trẻ khác nhau cho nên giáng sát có khác. Lý đạo không tổn hại, lớn nhỏ đều một pháp y, pháp là từ hóa lại tổn hại chung.

Lại nói ba y đã gánh mà may giang biểu cảm thế, sao ở đây chẳng như thế.

Tôi đáp: Tứ phần không văn, cho nên dứt hai may.

Đáp: Luật Thập tụng có văn sao lại chẳng dùng, thế này có nguyên nhân, chẳng thể chẳng làm...

Lại đại y làm sư so sánh được hạnh, song lá từ trên xuống bên có ba lớp, há được thế ư? Liền hỏi chỗ làm, phải cần tôi chỉ bày. Tướng này là, biểu thị cho bờ ruộng. Để cắt y điều là biểu thị cho ruộng, lá là biểu thị cho tướng, há chẳng phải thế ư? Nay thì dùng chung bố mạn:

1. Chẳng phải cắt.
2. Có nhiều lớp chẳng phải phép cũ, đều không nên mặc, mặc thì có lỗi.

Nhưng cũng còn toàn riêng rẽ, chánh từ được mất mà luận.

Lại hỏi tôi rằng: Tọa cụ hai lớp đó là bản chế, sau khi cắt lại tiếp chỉ là ý một bên một đầu, tiếp ở bốn mặt chung đều khắp duyên như

thế nào?

Tôi nói: Nay tin lời dạy răn thật chẳng uống phí.

Luật nói: Ở ngoài bản thế rộng dài lại thêm nửa gang tay. Y cứ vào văn thì chỉ là một rộng, một dài, chẳng nói bốn cạnh đều rộng dài. Đối với sự đều bất tiện, vẫn hơn bặt-xà, liền im lặng.

Lại hỏi tôi rằng: Nay thấy hành giả Tỳ-kheo để tọa cụ trên vai trái thì chẳng chịu được, vì sao tọa cụ là vật để ở dưới lại để trên vai, lại góc y phần nhiều ở tay trái, nay vì sao lại để trên vai, đệ tử người tục chưa rộng biết luật, xin giải thích cho.

Tôi nói: Tọa cụ ở trên vai đây thật đáng răn cấm. Xá-lợi-phất lúc mới cây cật Kỳ-hoàn, ngoại đạo rất chê bai. Tu-đạt thấy Xá-lợi-phất đầy đủ oai nghi, lấy ni-sư-đàn để trên vai trái, khoan thai đi vào giữa chúng, đến tòa cao mới bày ra. Lại các luật luận nhiều chỗ có văn. Tỳ-kheo ăn rồi nhập định, xuất định, lấy ni-sư-đàn để trên vai trái vào rừng ngồi thiền.

Lại ba y gốc phải đều ở vai trái, tọa cụ đặt lên trên, lại thêm dĩa đựng bát ở trên, nên luật Thiện Kiến chép: Dĩa đựng bát máng ở vai trái, màu xanh rõ ràng, há không phải là việc làm của người xưa ư? Nay thì ba y để dưới nách trái, tọa cụ để trong cánh tay và luận phương mà ngồi, hoặc ăn hoặc nói đều ở về trái, dĩa đựng bát rơi xuống đùi trái rồi xuống nách trái. Thời đại đối trá bèn mất bản nguyên. Tôi thấy thụ tượng xưa nay ở xứ này thấy chế đều dùng y đắp ở vai trái. Nhưng trước sau lấy góc y và góc y trong cánh tay trái co, lại mà cầm mở ra hai góc như tai dê.

Ở đây thì phủ, đồng với luật này, cũng là khuôn phép của Thánh có đi thì xếp lại để ở vai trái, ngồi thì bỏ ra ở đùi trái. Chưa thấy chánh văn trọn nói là oai nghi buông lung. Lại chế tọa cụ để hộ trì thân y và ngoại cụ của tăng, ở đó trong ngoài đều tịnh, chẳng đồng với tăng ở xứ này. Cho nên trong kinh nói khát thực xong trở về chỗ cũ, thân y bát rửa xong mà ngồi, rồi đến giày cỏ, lau hết mặt và tay. Cho nên thân y đều tịnh ở vai, không có bất định. Tăng xứ này thân hôi thúi đầu đáng nói. Từ tiện lợi xưa chẳng hề dứt trừ, áo quần trong ngoài, không hề giặt giũ, ba y thấu đủ, áo quần rất nhiều, người thấy cũng có chán tánh hôi.

Trời nghe nghĩa phải thượng nhãn nhục, y cứ vào văn thật này nay ở trên vai. Xét việc chỉ nên dấu trong cánh tay, như có y pháp sa-môn chẳng làm thói ác, trong ngoài đều tịnh, hình phục đáng nhìn, há được trái lời thành thật của Phật, chẳng thuận pháp vai trái. Cho nên Thập tụng Tỳ-nại-da chép: Móc câu của ba y, trước bỏ duyên bốn ngón bày

câu, sau bỏ duyên tám ngón bày sữ, lấy góc phải đè trên vai trái, sữ sau nhiếp lấy câu trước, nay thì một vọi trái lại, chẳng lẽ giáo văn cho phép, chỉ vì thức thấy duyên, như có sai trái ban cho châm hối, các phi nhân đều im lặng.

Sau đó chẳng lâu, có một vị trời đến bảo rằng: Đệ tử là hoàng Huỳnh chí kính rồi thưa rằng vừa nói tọa cụ rất đáng xem, y cứ kinh luận không có sai trái, nhưng trước sau chẳng đủ. Trọng ức luận nguyên. Phật đầu tiên độ năm người, và anh em Ca-diếp, đều chế Ca-sa ở tay trái, tọa cụ ở dưới Ca-sa. Vua quan Tây trúc đều mặc áo vải đắp trên tay trái.

Cho nên, Phật chế góc y ở tay khác tục Tỳ-kheo Át-bệ oai nghi chúng sinh. Khi ấy, pháp phục cũng chưa đắp trên vai. Sau độ các chúng, chư tăng dần nhiều tuổi, Tỳ-kheo trẻ nghi dung, đẹp đẽ, vào thành khát thực phần nhiều bị các cô gái ưa thích, do đó Phật chế góc y ở trên vai trái, sau bị gió thổi cho lấy vật nặng đè lên. Tỳ-kheo chẳng hiểu ý Phật tự tạo các vật tốt đẹp đè y, bị người thế tục chê trách, các Tỳ-kheo bạch việc ấy lên Đức Phật, Phật bảo ta cho để vật nặng tức là ni-sư-đàn, dùng chẳng được các thứ khác.

Sau, ngoại đạo ở thành Vương-xá tên là Đạt-ma-đa, xưng là nhất thiết trí mặc y phục đều có màu sắc tươi đẹp, ngày thay một áo, ngày ba mươi lần tắm gội, chỗ ăn uống đều dùng củi thơm, than thơm, chỗ ở đều trồng cây thơm, thoa bùn, đều dùng nước thơm, vườn rừng đều trồng cây thơm, các hoa thuốc trồng đều thơm tho, nước chảy trong suối ao đều có hương thơm ngưi-đầu chiên-đàn, coi là thơm sạch, dầu vườn của Đế-thích ưa thích cũng không thể hơn. Bấy giờ, Thế tôn dẫn các Tỳ-kheo vào thành khát thực cầm y bát, tọa cụ ở trên vai. Có các ngoại đạo bảo đạt-ma-đa rằng: Nay Cù-đàm Sa-môn vào thành khát thực, hãy đến bàn nói mà theo Đại sư. Lúc đó, Đạt-ma-đa dẫn các đồ chúng, thân mặc áo vải trắng lại khoát thêm một tấm vải giá trị ngàn lượng vàng ròng, đem đến chỗ Phật. Lúc đó, Đại phạm Thiên vương thỉnh Phật lên cõi trời. Ngoại đạo đến chỉ thấy Tỳ-kheo, liền hỏi: Tỳ-kheo đặt miếng vải trên vai để làm gì?

Đáp: Để trải ngồi.

Lại hỏi: Các thầy đắp y tên gì.

Đáp: Tên giáp nhẫn nhục.

Lại hỏi: Sao gọi là giáp nhẫn nhục?

Đáp: Tức là tướng Tam Bảo trên chế ngự thiên ma, dưới hàng phục ngoại đạo.

Đạt-ma-đa nói: Áo này đáng quý có oai linh lớn, đâu được để vải



lót ngồi trên đó. Đó là Cù-đàm dạy các thầy hay các thầy tự làm. Các Tỳ-kheo đều nín thinh. Ngoại đạo nói: Nếu Cù-đàm dạy các thầy thì pháp này chẳng đáng tôn trọng, vì sao lại tự xưng là bậc Nhất Thiết Trí. Nếu các thầy tự làm thì sao Cù-đàm chẳng biết dạy các thầy. Tỳ-kheo khất thực xong trở về tăng phòng, bạch việc ấy lên Đức Phật. Do đó, Phật chế lại dùng góc y để trên tay trái, tọa cụ để ở dưới. Sau đó, Tỳ-kheo đắp y Ca-sa thường không ngay ngắn. Các Ly-xa tử chê trách là không có oai nghi, mặc y phục giống như dâm nữ, cũng như vôi voi. Do đây mới chế trên để móc câu, khiến dùng góc y thấu đến tay trái để ở dưới nách. Chẳng được để rũ xuống như lỗi trên.

Trước dẫn việc Xá-lợi-phất, ở đây trước mở chẳng thấy chế, sau nghĩa phải luân tông. Xưa là thơ gà gáy, khiến hô chường lậu khác chi quan, Tề hầu vô đạo quan thất thủ, chư hầu đến triều điền đảo áo quần. Thi nhân có thể chẳng nói theo ư?

Sách nói: Mão tuy thấp hèn nhưng không thể ở chỗ thấp, giày tuy quý không thể ngồi trên. Ở đây nói tuy ít có thể so với. Người xưa hỏi xô Nghiêu, lại nguyện nhân từ, chẳng vì người mà phước giáo. Tôi nghe đủ nhĩ luận, hiến chương đời trước đây thì một hóa tông thừa mở suốt ba tạng. Như hoặc chấp chặt đốn cự chưa nghe, sao thù kết tập khai hãn duyên tám việc, chẳng vâng tướng trọng kết của Thượng tọa, dấu không bày đây tình hoặc rộng. Trong luật Ngũ phần nói các phương khác chẳng phải thanh tịnh. Huống là trời, người tứ giáng, Chu thống khai chế tiếc là biết muộn. Nhưng ở hiện giáo, các việc mất thiên, kính mà tin, cùng đồng với Ca-diếp phạt hoan hỷ.

Lại nói: Nguyên ý chế tọa cụ để biểu thị tướng cơ tăng phục Ca-sa ở trên để dụ cho tháp pháp thân, tháp cơ đã chẳng thiên tà thì tọa cụ cho dài rộng. Nếu bốn chu đủ thiếp chẳng sót văn nửa gang tay, chỉ vì lời phiên dịch quá lược chỉ nói nửa gang tay, mười chữ mà luận tức là nghĩa bốn chu.

Lại hỏi: Nếu thấy tăng Tây Vực đến có y may nhiều lá là sao?

Đáp: Khi Phật diệt độ hai trăm năm thì ở bắc Thiên-trúc tăng và ngoại đạo ở chung. Ngoại đạo ganh ghét ngầm dấu dao nhọn dưới y, cùng đều chõ vua, ngoại đạo bảo vua Sa-môn Thích tử đã dấu dao nhọn muốn giết vua. Do đó bèn xem xét bắt được, sau đó giết hết Tỳ-kheo trong nước. Lúc đó, có A-la-hán Da-xá khiến các Tỳ-kheo quyền dùng y may hợp lại vì nạn cắt đứt mạng sống. Đây là phương Bắc nhân việc mà quyền chế, chẳng phải do Phật mở ra. Nay có Tỳ-kheo ở phương Nam đều may hợp không biết mà cũng học may.

Lại hỏi tôi rằng: Phật rất trọng việc hưng khởi giới đàn, một chùa Kỳ-hoàn vội kết ba đàn hai ở Phật viện, chỉ có Phật lên, nhóm họp chư Phật lên đàn mà luận tăng ni kết giới. Đàn Tăng viện vì thọ giới cụ túc trang nghiêm đạo tràng như tòa Tu-di, thần vương thạch trụ thủ hộ chẳng thiếu sót, dưới đến mé nước trải qua nhiều kiếp chẳng mất. Ở bắc Thiên-trúc phía Đông thấy có thạch đàn hình dáng rất to lớn. Nay vì sao sư lập siêng tướng đàn. Trời người, u hiển đều khen ngợi.

Tôi đáp: Từng thấy tăng truyện, giới đàn nam lâm ý rất trọng cho nên rất kính ngưỡng. Ông ấy nói đâu chỉ một chỗ. Nay lại u cầu phương nam có nhiều. Khi xưa, đời Tống có cầu na-bạt-ma ở lập đàn Tế châu, đời Tấn có Trúc-pháp-thái lập đàn ở chùa Ngõa Quan. Chi pháp Lâm thời Tấn ở Thạch Thành và ốc châu mỗi nơi lập một đàn.. ở Nhã-da-tạ phụ lập đàn ở ẩn xứ. Trúc đạo hồ lập đàn ở núi động đình, trúc đạo sinh ở Ngô Trung Hồ khu tự lập đàn tế, tăng phụ lập đàn ở vũ hồ, lương pháp siêu lập đàn ở nam giản, Lương tăng hộ lập đàn ở bốn chỗ thượng vân Cư Thê Hà, qui thiện, ái kính.

Nay nền chùa Tứ Tăng ở Kinh châu, nền chùa trường sa, chùa Đại Minh đều là giới đàn. Nay, lấy việc mà đoán, thì Giang Tả dụ châu trở xuống đến hết phía Nam Giang hoài, kể chung giới đàn hơn ba trăm chỗ. Ở Sơn đông trong Hà Bắc quan có giới đàn kiến nam việc chẳng dứt. Khiến Phật pháp ở Giang biểu trải bốn, năm trăm năm nay chẳng mất là do dùng giới đàn. Giới là nguồn gốc của Phật pháp, vốn lập mà chẳng thể nghiêng đổ, từ chung quanh sông này từng chẳng nghe tiến, do đây Phật pháp ba lần bị giết chốc.

Lại phía Nam Giang hán, núi sông đẹp đẽ kỳ lạ, hề thấy thì quên về, đất đai như thế, người y báo ngoài khiến tình trí thông minh, thân tâm nhanh nhẹn bèn có thể suy lường giáo pháp Phật rất đáng nương không có gì nghi ngại, chẳng thể bỏ quên. Ở Lương hà Trung nguyên sau khi nhà Tấn dời về Nam, chia thành mười sáu nước, dùng võ lực xâm lấn nhau, Phật pháp ba trừ đều là dận bắc địch, vốn không phải là văn địa, tùy tâm liền dứt, chưa được mở rộng há chẳng thế ư? Giới đàn nêu lên thì thành tướng trụ trì, chúng tăng nói giới, thọ giới đều lên đó. Việc xong thì về phương Đông, xoay bên trái ra hướng Nam mà trở về.

Tôi hỏi: Trong kinh đều nói các tướng đi bên phải, nhiều bên trái, hông bên phải, v.v... nay lại nói nhiều bên trái là sao?

Đáp: Pháp trời thường như thế, con người thường theo bên phải. Cho nên mặt trời, mặt trăng, các sao đều theo bên trái, khí gió trời cùng



chuyển về Tây mà mất. Chẳng thấy trăng mới mọc trước ở phương Tây dần dần chuyển về Đông, cũng từ Tây lặn, dần dần mọc từ Đông, tây mất gió chuyển. Trên đất cỏ cây sinh phải xoay về bên trái. Đây là luật thường của trời. Nay có người mưu tính mặt trời, mặt trăng mọc từ Tây, Phật cũng theo mà xoay về bên trái. Phương này chẳng thanh tịnh, cho nên Như Lai nằm nghiêng hông phải, đầu quay về Bắc, mặt ngó về Tây, xem bản danh địa Phật pháp được lâu dài nên ở xứ này chế ra các Tỳ-kheo đều phải nằm nghiêng hông bên phải, nhân thỉnh vẽ tướng Kỳ-hoàn, bèn lấy giấy vẽ phạm vi, mỗi viện đều nói rõ nguồn gốc, nếu riêng thì có cả trăm tờ giấy.

Lại chẳng lâu có vị trời đến nói là họ Đào thưa rằng: Đệ tử là vị trời, có tên họ, tiếng nói đồng với Thiên-trúc, sư đã chẳng hiểu, lại nói tiếng gốc là người ở Tương châu, đến từ thời Hạ Ân có nhiều nạn, đem cả nhà vào núi Bạch Lộc, trong núi có vi bích-chi-Phật ở... sau cùng một triều, Vi tướng quân chí kính đến hỏi, bất thù hăng lễ thưa rằng: Đệ tử thường thấy sư ở tại phường an phong, soạn Quảng hoằng Minh tập, cắt đứt tà chánh, cởi mở sáng tỏ, khác với trước rất thích u tâm thường muốn tìm nhau, chi vì trong thiên hạ, Phật tăng việc lớn cãi cộ hưng binh, đánh giết chẳng thôi, đệ tử lãnh phước giữ gìn khuyên dụ hòa giải không lúc nào dừng. Do đó trước khiến các sứ giả luận bàn với sư, nay tạm được đến chẳng được ở lâu, nay sư hiểu Phật pháp suy yếu tối tăm, các nước Thiên-trúc chẳng bằng xứ này. Đây phạm giới nên rất xấu hổ, bên trong tuy lảng phạm, nhưng bên ngoài cẩn thận giữ gìn khiến các vị trời thấy làm một điều lành mà quên trăm lỗi, nếu thấy tạo lỗi thì đều khóc thương, thấy đều che chở, chẳng đi mà thấy mà quấy nhiễu.

Tôi hỏi: Chủ cõi Dục chẳng phải là ma ư? Ở dưới các trời đều chẳng thuộc ma ư?

Đáp: Nếu ma làm ác, bốn trời Đế-thích đều chẳng theo. Nếu hai trời dưới làm các pháp lành thì ma và ma con chẳng làm gì được. Xứ này tăng thắng, đại tiểu thừa không hề hai kiến, thấy đều vâng giữ. Cõi Tây Trúc không như thế các vị Tiểu thừa được kinh Đại thừa thì liền quăng vào lửa. Tăng trẻ đều bán cho Bắc Địch, người già bị cướp mạng căn, chẳng thể nói hết.

Nay chùa lớn Bồ-đề, tự chủ, oai mãnh, có tám muôn vị tăng, số hộ là mười vạn. Vua đánh dẹp chẳng được, đi nhiều dưới tháp, mặt trời có lụa vàng, râu rối tự nạp vào hết, cá sống chết thành đồng lớn, thit dê đều treo lên, ở tiệm giết mổ cũng được thủ hộ, chẳng để ác quỷ làm hại.

Tôi hỏi: Không có thiện thân, long vương do đâu mà tha hồ tạo tội.

Đáp: Thân ăn máu thịt đều đến hưởng đồ cúng, nhận lời Phật dạy,

giữ gìn chùa tăng Đại thừa.

Tôi nói: Thường thấy nước này giết hại làm công, thường nguyện rằng nếu chết rồi sinh vào loài rồng quỷ, có thể lực lớn thì khiến nó chẳng giết hại, vì sao thần lại mặc tình làm ác?

Đáp: Đều là chúng sinh có nghiệp ác nên như thế, cá dê trả nợ ấy là lý thường.

Tôi hỏi: Trả nợ nghiệp thật tốt, nhưng nó giết ăn đều do mê lầm, mê lầm là tham sân si. Tham si kết hoặc ở đường ác, làm sao các thần mặc tình làm ác?

Đáp: Cũng là nghiệp định, chư Phật chẳng thể trừ, hướng là các thần. Sinh ở nước này chánh niệm đã mất, liền mặc tình giết hại.

Tôi nói: Trước có nguyện này, thoát sinh thất niệm mà đọa vào đường ác như thế nào?

Đáp: Tự chẳng phải quán hạnh rõ ràng thì ở niết mà chẳng mau, mới làm được điều này.

Lời Vi tướng quân nói đã dứt, đành lễ mà lui. Luật tướng cảm thông nguyện hết.

Bản Cao-ly ở cuối quyển có ghi.

Quyển này trong tạng không có, nhưng Hồng, Âm sơ chép: Xuất cứ từ Trinh nguyên mục lục, xét qua Thượng tọa Tuệ Trừng truyền lại pho sách kỳ lạ này, nên nay năm Bính Ngọ, Đại tạng nước Cao-ly đều vâng lệnh vua mà khắc bản in ra.

Hiệu đính bốn bản trên để bày tiệc lạ, tuy rất thành còn sợ có chỗ sơ sót. Nhưng đều xoi xét, chỗ lấy bỏ của bốn bản, khảo xét trích dẫn các sách không dám ước đoán, mà vọng thay đổi. Đến như chữ khắc của bản cũ sai lầm mà nay sửa đúng thì chẳng chép. Người đọc tự biết.

Niên hiệu Hưởng Bảo, mùa xuân năm Mậu Tuất, ngày rằm tháng ba.

*Kim phong hậu học, Sa-môn Từ Nguyên.*

*Kính ghi.*